

Số: 55 /TB-HĐTD

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

THÔNG BÁO

**Điểm thực hành, phỏng vấn kỳ xét tuyển viên chức đợt 1
Năm học 2019 – 2020**

Thực hiện Kế hoạch số 2369/KH-SGDĐT ngày 29/7/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2019–2020 và Thông báo số 2486/TB-SGDĐT ngày 08/8/2019 của Sở GD&ĐT về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc năm học 2019–2020 (Đợt 1).

Căn cứ vào kết quả thực hành và phỏng vấn của các thí sinh dự tuyển, Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo điểm thực hành, phỏng vấn của các thí sinh (bảng điểm kèm theo)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Trang thông tin điện tử Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB. 

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
Trương Thị Kim Huệ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM THỰC HÀNH (PHÒNG VẤN) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NĂM HỌC 2019-2020 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số 55 /TB-HĐTD ngày 30 tháng 10 năm 2019 của HĐTD Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đơn vị dự xét tuyển	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điện ưu tiên	Điểm thực hành (Phòng vấn)	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12= 10+11)	(13)
1	Nguyễn Thị Thảo Nguyên		16/9/1987	THPT chuyên Lương Thế Vinh	GV THPT	ThS	KTNN		83.00		83.00	
2	Nguyễn Thị Ngọc Trinh		04/5/1994	THPT Ngô Quyền	GV THPT	ĐH	Anh văn		85.33		85.33	
3	Nguyễn Trần Hà Vy		20/9/1997	THPT Ngô Quyền	GV THPT	ĐH	Anh văn		78.66		78.66	
4	Nguyễn Trần Hương Xuân		02/01/1997	THPT Ngô Quyền	GV THPT	ĐH	Anh văn		Vắng		Vắng	
5	Hoàng Thị Ngọc Duyên		06/01/1995	THPT Ngô Quyền	GV THPT	ĐH	Ngữ Văn		Vắng		Vắng	
6	Võ Bình Minh	25/7/1987		THPT Ngô Quyền	Nhân viên TN_TB	ĐH	Vật Lý		70.00		70.00	
7	Nguyễn Xuân Hoài Phước	14/7/1994		THPT Nguyễn Hữu Cánh	GV THPT	ĐH	Ngữ Văn		81.00		81.00	
8	Nguyễn Thị Kim Thắm		08/12/1994	THPT Nguyễn Hữu Cánh	GV THPT	ĐH	Ngữ Văn		71.30		71.30	
9	Phạm Thị Kim Tươi		13/10/1982	THPT Chu Văn An	GV THPT	ThS	Anh văn	Con TB	85.33	5.00	90.33	
10	Nguyễn Thị Thùy Linh		09/06/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Anh văn		80.00		80.00	
11	Nguyễn Thị Hồng Thủy		26/01/1995	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Anh văn		78.66		78.66	
12	Lê Mỹ Linh		06/12/1995	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Anh văn		77.33		77.33	
13	Nguyễn Hữu Trường	07/9/1997		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Anh văn		Vắng		Vắng	
14	Lê Ngọc Như Nguyệt		17/01/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Anh văn		Vắng		Vắng	
15	Hồ Mạch Quỳnh Giao		24/9/1994	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Anh văn		Vắng		Vắng	
16	Nguyễn Thanh Ngoan		03/7/1996	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		74.00		74.00	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đơn vị dự xét tuyển	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Diện ưu tiên	Điểm thực hành (Phòng vấn)	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ									
17	Lê Thị Thu Thảo		28/10/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		74.00		74.00	
18	Trương Nguyễn Kỳ Anh	30/10/1997		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		72.00		72.00	
19	Phùng Thanh Thủy		03/01/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		67.00		67.00	
20	Nguyễn Thị Quỳnh Như		09/02/1993	THPT Chu Văn An	GV THPT	ThS	Toán		65.00		65.00	
21	Phạm Thị Hải My		16/8/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		63.67		63.67	
22	Nguyễn Hồng Sơn	01/7/1997		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		63.00		63.00	
23	Phạm Thị Kim Anh		29/8/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		63.00		63.00	
24	Hoàng Thị Bích Thùy		11/01/1994	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		62.00		62.00	
25	Trần Vũ An	03/08/1987		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		60.00		60.00	
26	Phạm Văn Thạch	28/02/1982		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		60.00		60.00	
27	Trần Quốc Tuấn	23/3/1995		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		59.00		59.00	
28	Trần Nguyễn Minh Phú	17/3/1996		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		58.00		58.00	
29	Nguyễn Quốc Thuần	26/11/1981		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		58.00		58.00	
30	Nguyễn Thị Kim Phụng		18/01/1985	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		55.00		55.00	
31	Ngô Thị Ánh Khuyên		18/11/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
32	Nguyễn Duy Thiệu	14/8/1997		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
33	Hồ Hữu Hào	21/7/1997		THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
34	Nguyễn Thị Tố Uyên		08/01/1997	THPT Chu Văn An	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
35	Lê Thị Nguyệt		16/12/1987	THPT Lê Hồng Phong	Nhân viên kế toán	ĐH	Kế Toán		65.00		65.00	
36	Nguyễn Lư Thạch Thảo		01/01/1997	THPT Long Thành	Giáo viên	ĐH	Ngữ Văn		85.33		85.33	
37	Cao Thị Nhật Lệ		30/4/1993	THPT Long Thành	Giáo viên	ĐH	Ngữ Văn		77.00		77.00	
38	Trần Thị Bích Hồng		10/11/1994	THPT Long Thành	Giáo viên	ĐH	Ngữ Văn		66.00		66.00	
39	Trần Thị Hoài Sâm		14/12/1996	THPT Long Thành	Nhân viên TN_TB	CĐ	Sinh		Vắng		Vắng	
40	Đỗ Thị Thu Hà		02/9/1997	THPT Long Phước	GV THPT	ĐH	Ngữ Văn		82.00		82.00	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đơn vị dự xét tuyển	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Diện ưu tiên	Điểm thực hành (Phỏng vấn)	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ									
41	Đặng Thị Lan Anh		05/3/1992	THPT Long Phước	GV THPT	ĐH	Ngữ Văn		Vắng		Vắng	
42	Nguyễn Thị Hồng Loan		05/02/1997	THPT Nhơn Trạch	GV THPT	ĐH	Toán		84.00		84.00	
43	Trần Thị Phương Thảo		05/01/1997	THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Anh văn		74.66		74.66	
44	Lê Thị Hoài Vân		28/7/1996	THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Toán		88.00		88.00	
45	Phạm Thị Thêu		05/8/1996	THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Toán		75.33		75.33	
46	Nguyễn Thị Tuyết Mẫn		02/9/1993	THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Toán		64.00		64.00	
47	Trần Văn Đông	11/12/1996		THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
48	Nguyễn Văn Bảy	05/01/1995		THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Vật Lý		77.67		77.67	
49	Trần Thị Tuyết Hương		09/10/1994	THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Vật Lý		72.33		72.33	
50	Nguyễn Thị Thúy Hằng		20/6/1995	THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Vật Lý		63.00		63.00	
51	Nguyễn Viết Giang Sơn	09/7/1997		THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Vật Lý		62.67		62.67	
52	Nguyễn Thị Thanh C'úc		01/6/1992	THPT Phước Thiện	GV THPT	ĐH	Tin Học		80.00		80.00	
53	Bùi Thị Ngọc Mai		23/11/1996	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Sinh		80.33		80.33	
54	Nguyễn Thị Hồng Vân		08/01/1997	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Sinh		73.33		73.33	
55	Nguyễn Thị Thu Hường		06/9/1997	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Sinh		70.66		70.66	
56	Nguyễn Thái Phương Thảo		24/02/1997	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Sinh		69.66		69.66	
57	Nguyễn Thị Bền		12/02/1997	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Sinh		62.33		62.33	
58	Cảnh Thị Thúy Loan		29/6/1997	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Sinh		60.66		60.66	
59	Hồ Lê Quỳnh Như		03/9/1996	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Toán		82.33		82.33	
60	Hồ Thị Phương Mai		25/4/1997	THPT Nguyễn Bình Khiêm	GV THPT	ĐH	Toán		66.00		66.00	
61	Nguyễn Lê Quốc Bảo	04/04/1997		THPT Vĩnh Cửu	GV THPT	ĐH	Sinh		86.67		86.67	
62	Phạm Thị Thúy Ngân		14/6/1990	THPT Vĩnh Cửu	GV THPT	ĐH	Sinh		83.67		83.67	
63	Hồ Hoàng Đan Thơ		30/7/1993	THPT Vĩnh Cửu	GV THPT	ĐH	Sinh		76.00		76.00	
64	Đồng Thị Thảo Ly		29/8/1997	THPT Vĩnh Cửu	GV THPT	ĐH	Sinh		62.33		62.33	
65	Hồ Thị Thùy Trang		27/12/1996	THPT Thống Nhất A	GV THPT	ĐH	Toán		70.66		70.66	
66	Huỳnh Thị Thanh Hiền		22/02/1995	THPT Thống Nhất A	GV THPT	ĐH	Toán		60.66		60.66	

H.C.
 SỞ
 OD
 ĐÀO T
 ĐỒNG

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đơn vị dự xét tuyển	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Diện ưu tiên	Điểm thực hành (Phòng vấn)	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ									
67	Nguyễn Duy Thanh	24/9/1996		THPT Thống Nhất A	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
68	Trần Văn Sinh	15/11/1992		THPT Thống Nhất A	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
69	Đặng Nguyễn Thảo Uyên		08/8/1996	THPT Thống Nhất A	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
70	Lê Quỳnh Mỹ Linh		21/4/1997	THPT Dầu Giây	GV THPT	ĐH	Anh văn		Vắng		Vắng	
71	Phạm Thị Ngân		28/3/1997	THPT Thống Nhất	GV THPT	ĐH	Lịch Sử		84.66		84.66	
72	Nguyễn Hoàng Duy	03/11/1993		THPT Kiệm Tân	GV THPT	ĐH	Toán		83.00		83.00	
73	Lê Thị Kim Hoa		21/02/1993	THPT Kiệm Tân	GV THPT	ĐH	Toán		81.00		81.00	
74	Từ Thị Kim Thắng		15/12/1997	THPT Kiệm Tân	GV THPT	ĐH	Toán		78.30		78.30	
75	Trần Hoàng Minh	11/11/1990		THPT Kiệm Tân	GV THPT	ĐH	Toán		72.66		72.66	
76	Nguyễn Văn Được	05/9/1977		THPT Kiệm Tân	Nhân viên y tế	TC	Y Sĩ	Con TB	88.50	5.00	93.50	
77	Nguyễn Thị Sang		05/8/1993	THPT Điều Cải	Nhân viên TN_TB	ĐH	Sinh		80.00		80.00	
78	Điều Thị Khánh Ly		12/3/1993	THPT Điều Cải	Nhân viên văn thư	TC	Văn Thư Lưu Trữ		85.00		85.00	
79	Trần Thị Hà Phương		01/11/1988	THPT Tân Phú	Nhân viên văn thư	TC	Văn Thư		90.00		90.00	
80	Nguyễn Thị Nhung		03/8/1997	THCS&THPT Tây Sơn	GV THPT	ĐH	Sinh Học		74.00		74.00	
81	Trần Thị Thùy Dung		13/7/1994	THCS&THPT Tây Sơn	GV THPT	ĐH	Sinh Học		72.00		72.00	
82	Lê Thị Mỹ Trinh		17/3/1992	THCS&THPT Tây Sơn	GV THPT	ĐH	Anh văn		63.70		63.70	
83	Mai Thị Trang		16/4/1993	THCS&THPT Tây Sơn	GV THPT	ĐH	Anh văn		60.70		60.70	
84	Hoàng Thị Hoa		27/5/1997	THCS&THPT Tây Sơn	GV THPT	ĐH	Anh văn		55.70		55.70	
85	Lê Thị Ánh Nguyệt		31/7/1995	THCS&THPT Suối Nho	GV THPT	ĐH	Anh văn		68.00		68.00	
86	Trần Thị Kim Ánh		14/9/1997	THCS&THPT Suối Nho	GV THPT	ĐH	Sinh		80.70		80.70	
87	Nguyễn Ngọc Phú	22/3/1997		THCS&THPT Suối Nho	GV THPT	ĐH	Sinh		72.00		72.00	
88	Nguyễn Thị Bích Quyên		10/02/1995	THCS&THPT Suối Nho	GV THPT	ĐH	Sinh		70.33		70.33	
89	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		19/6/1995	THPT Đoàn Kết	GV THPT	ĐH	Anh văn		68.30		68.30	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đơn vị dự xét tuyển	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Diện ưu tiên	Điểm thực hành (Phòng vấn)	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ									
90	Nguyễn Xuân Giang	01/01/1981		THPT Tôn Đức Thắng	Nhân viên CN-TT	CĐ	CNTT		80.00		80.00	
91	Nguyễn Thị Hải Phương		16/8/1997	THPT Long Khánh	GV THPT	ĐH	Lịch Sử		91.00		91.00	
92	Vũ Thị Thu Huyền		17/9/1996	THPT Long Khánh	GV THPT	ĐH	Ngữ Văn		80.33		80.33	
93	Võ Thị Yến Ngọc		20/12/1993	THPT Long Khánh	GV THPT	Ths	Ngữ Văn		79.66		79.66	
94	Diệp Mai Phương		06/7/1997	THPT Long Khánh	GV THPT	ĐH	Anh văn		70.66		70.66	
95	Nguyễn Tấn Phúc	08/12/1991		THPT Hoàng Diệu	GV THPT	ĐH	Vật Lý		90.33		90.33	
96	Nguyễn Đức Hiệp	18/1/1991		THPT Hoàng Diệu	GV THPT	ĐH	Vật Lý		89.67		89.67	
97	Nguyễn Thị Thanh Hương		21/9/1995	THPT Hoàng Diệu	GV THPT	Ths	Vật Lý		88.33		88.33	
98	Đoàn Kim Minh Nga		09/8/1996	THPT Hoàng Diệu	GV THPT	ĐH	Vật Lý		86.33		86.33	
99	Vũ Hoàng Thanh Thảo		18/11/1997	THPT Hoàng Diệu	GV THPT	ĐH	Vật Lý		Vắng		Vắng	
100	Hồ Hoàng Tú Anh	02/3/1996		THPT Xuân Hưng	GV THPT	ĐH	GD Thể Chất		75.66		75.66	
101	Đoàn Thị Hồng Hạnh		10/11/1997	THPT Xuân Hưng	GV THPT	ĐH	GDQP AN		77.33		77.33	
102	Dương Hạnh Dung		08/3/1997	THPT Xuân Hưng	GV THPT	ĐH	Anh văn		64.00		64.00	
103	Lê Đức Minh Phú	06/01/1996		THPT Xuân Hưng	GV THPT	ĐH	Anh văn		Vắng		Vắng	
104	Lê Thị Minh Nguyên		02/8/1995	THPT Võ Trường Toản	GV THPT	ĐH	Anh văn		67.00		67.00	
105	Chu Thị Khánh Ly		29/5/1995	THPT Võ Trường Toản	GV THPT	ĐH	Sinh		80.66		80.66	
106	Cao Thị Hoàng Nguyên		28/11/1994	THPT Đắc Lua	GV THPT	ĐH	Ngữ Văn		85.00		85.00	
107	Trần Lý Thu Thảo		28/8/1997	THCS&THPT Bàu Hàm	GV THPT	ĐH	KTNN		67.00		67.00	
108	Nguyễn Thu Thảo		09/4/1996	THCS&THPT Bàu Hàm	GVTHCS	ĐH	Ngữ Văn		48.67		48.67	
109	Mai Hồ Xuân Tuyền		03/04/1998	THCS&THPT Huỳnh Văn Nghệ	GVTHCS	ĐH	Toán		68.00		68.00	
110	Nguyễn Thị Dung		10/7/1994	THCS&THPT Huỳnh Văn Nghệ	GVTHCS	ĐH	Toán		66.00		66.00	
111	Lý Hoa Hương		10/10/1996	THCS&THPT Huỳnh Văn Nghệ	GVTHCS	ĐH	Toán		64.00		64.00	
112	Nguyễn Ngọc Thuận	15/5/1993		THCS&THPT Huỳnh Văn Nghệ	GVTHCS	CĐ	CĐ Toán	BĐXN	Vắng		Vắng	
113	Nguyễn Thị Thanh Thủy		14/4/1996	THCS&THPT Huỳnh Văn Nghệ	GVTHCS	ĐH	Anh văn		66.66		66.66	
114	Nguyễn Thị Liên		30/7/1994	THCS&THPT Huỳnh Văn Nghệ	GVTHCS	ĐH	Lịch Sử		61.67		61.67	



STT	Họ và tên	Năm sinh		Đơn vị dự xét tuyển	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điện ưu tiên	Điểm thực hành (Phòng vấn)	Điểm ưu tiên	Tổng số điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ									
115	Trần Hữu Phước	10/02/1991		PTDT Nội trú liên huyện TP-ĐQ	Nhân viên CN-TT	CĐ	Tin Học		72.50		72.50	
116	Nguyễn Thị Bích Nguyên		26/04/1996	PTDT Nội trú tỉnh	GV THPT	ĐH	Toán		83.33		83.33	
117	Bùi Thị Thanh Xuân		22/01/1995	PTDT Nội trú tỉnh	GV THPT	ĐH	Toán	Châu ro	65.00	5.00	70.00	
118	Nguyễn Văn Hoàng Sơn	22/01/1997		PTDT Nội trú tỉnh	GV THPT	ĐH	Anh văn		78.70		78.70	
119	Nguyễn Nhật Yến Anh		10/01/1992	GDTX tỉnh	GV THPT	ĐH	Toán		83.33		83.33	
120	Lê Thị Thanh Hà		06/6/1994	GDTX tỉnh	GV THPT	ĐH	Toán		78.00		78.00	
121	Nguyễn Thị Lê		18/9/1994	GDTX tỉnh	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	
122	Phạm Thị Tường Vy		04/02/1996	GDTX tỉnh	GV THPT	ĐH	Toán		Vắng		Vắng	

Danh sách này có: **122** thí sinh

Thư ký

Nguyễn Thị Giang

Đông Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

TM. HĐTD

PHÓ CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Trương Thị Kim Huệ